

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Bùi Khắc Thái  
- Ông Hà Quang Văn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐ-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quách Thị T, sinh năm 1984

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc Gi, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chị T, anh Gicó mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Quách Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Givề chung sống với nhau từ năm 2005, tuy nhiên đến năm 2012 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Từ năm 2005 đến năm 2012 anh chị đi làm thuê và sinh sống tại tỉnh Bình Phước. Sau đó anh chị về sinh sống tại Thôn 1, xã Ph

là quê chị. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được khoảng vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên chung sống không hòa hợp, anh Gihay ghen bóng gió và chửi bới xúc phạm chị. Vì vậy anh chị đã ly thân hơn 1 năm nay. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Giang, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Trần Ngọc Gi.

Về con chung: Chị và anh Gicó 03 con chung là các cháu: Quách Ngọc Hsinh ngày 18/3/2008, Quách Thị Tuyết Lsinh ngày 22/8/2011, cháu Quách Ngọc V sinh ngày 19/3/2019. Cả 3 cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn chị xin nuôi cháu Lan và cháu Vũ, còn cháu Hà để anh Ginuôi. Chị không yêu cầu anh Gicấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra Chị T còn xác định chị có 01 con riêng là cháu Quách Ngọc D, sinh năm 2006. Hiện cháu đã đi làm thuê tự nuôi sống bản thân nên chị không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến Anh Trần Ngọc Gi thể hiện tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải: Anh xác định thời điểm kết hôn và chung sống như Chị T trình bày là đúng. Anh xác định hai bên sống hạnh phúc được 18 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do gần đây Chị T chơi bời hay đi khuya và đi đến sáng mới về, anh và gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng Chị T không nghe. Anh xác định việc Chị T xin ly hôn với anh là do Chị T có tình cảm với người khác. Nay Chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh cũng xác định có 03 con chung như Chị T trình bày là các cháu Quách Ngọc Hsinh ngày 18/3/2008, Quách Thị Tuyết Lsinh ngày 22/8/2011, cháu Quách Ngọc V sinh ngày 19/3/2019. Cháu Quách Ngọc D là con riêng của Chị T. Nếu Chị T cương quyết ly hôn với anh thì anh xin nuôi cả 3 cháu không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Giang và Chị T xác định sở dĩ trong giấy khai sinh của cháu Hà và cháu Lan không có tên anh Giở phần tên bố để vì khi sinh các cháu anh chị chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Về vấn đề xác định con chung với anh GiChị T đã có yêu cầu giám định AND với cháu H và cháu L, kết quả giám định kết luận cháu H và cháu L là con đẻ của anh Gi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến cháu H: Cháu là con trai tự chăm sóc bản thân được nên cháu xin ở với bố.

Ý kiến cháu L: Cháu xin ở với mẹ.

Ngày 22/02/2022 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án, quá trình giải quyết các bên đương sự không thỏa thuận được về các vấn đề giải quyết trong vụ án vì vậy vụ án được đưa án xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Quách Thị T. Xử lý hôn giữa Chị Quách Thị T và Anh Trần Ngọc Gi.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Quách Thị Tuyết Lsinh ngày 22/8/2011, cháu Quách Ngọc V sinh ngày 19/3/2019 cho Chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Quách Ngọc Hsinh ngày 18/3/2008 cho anh Gitiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Quách Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

#### **[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:**

Quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh Gilà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Cuộc sống vợ chồng của Chị T và anh Githường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. anh Gicó nguyện vọng được đoàn tụ, tuy nhiên anh cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có, xuất phát từ việc anh nghi ngờ Chị T có quan hệ bất chính với người khác. Từ khi Chị T làm đơn xin ly hôn với anh thì vợ chồng anh ly thân, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy cần chấp nhận

yêu cầu xin ly hôn của Chị T với anh Gilà có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh Gicó 03 con chung là các cháu Quách Ngọc Hsinh ngày 18/3/2008, cháu Quách Thị Tuyết Lsinh ngày 22/8/2011, cháu Quách Ngọc V sinh ngày 19/3/2019. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay anh Givà Chị T khỏe mạnh, có công việc ổn định, đảm bảo chăm lo cho cuộc sống của các cháu. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định cho các cháu nên tiếp tục giao cháu Quách Thị Tuyết Lsinh ngày 22/8/2011, cháu Quách Ngọc V sinh ngày 19/3/2019 cho Chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu Quách Ngọc Hsinh ngày 18/3/2008 cho anh Gitrực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Riêng đối với cháu Quách Ngọc D sinh năm 2006 là con riêng của Chị T, tuy nhiên cháu đã tự lao động và nuôi bản thân nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do đương sự không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Quách Thị T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Các điều 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Quách Thị T. Xử lý hôn giữa Chị Quách Thị T và Anh Trần Ngọc Gi.

2.Về con chung:Giao các cháu Quách Thị Tuyết Lsinh ngày 22/8/2011, cháu Quách Ngọc V sinh ngày 19/3/2019 cho Chị Quách Thị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Giao cháu Quách Ngọc Hsinh ngày 18/3/2008 cho anh Gitrực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Quách Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003528 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Quách Thị T và Anh Trần Ngọc Gi được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH**